

# LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

*Để hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng cho ngân sách nhà nước một cách hợp lý, tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh đối với một số hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;*

*Luật này quy định thuế tiêu thụ đặc biệt.*

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1.** Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sau đây là đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

1. Hàng hóa:
  - a) Thuốc lá điếu, xì gà;
  - b) Rượu;
  - c) Bia;
  - d) Ô tô dưới 24 chỗ ngồi;
  - đ) Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng;
  - e) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;
  - g) Bài lá;
  - h) Vàng mã, hàng mã;
2. Dịch vụ:
  - a) Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê;
  - b) Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot);
  - c) Kinh doanh vé đặt cược đua ngựa, đua xe;
  - d) Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn.

### **Điều 2.** Đối tượng nộp thuế

Tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

### **Điều 3.** Đối tượng không thuộc diện chịu thuế

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau đây:

1. Hàng hóa do các cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho các cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu;
2. Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau:
  - a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế;
  - b) Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh, mượn đường qua Việt Nam;

- c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong thời hạn chưa phải nộp thuế;  
d) Hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo chế độ quy định.

**Điều 4.** Nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Luật này.
2. Cơ quan thuế trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật này.
3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình giám sát, phối hợp với cơ quan thuế trong việc thi hành Luật này.
4. Công dân Việt Nam có trách nhiệm giúp cơ quan thuế, cán bộ thuế trong việc thi hành Luật này.

## **CHƯƠNG II**

### **CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ SUẤT**

**Điều 5.** Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất.

**Điều 6.** Giá tính thuế

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước là giá do cơ sở sản xuất bán ra tại nơi sản xuất chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.
2. Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu.
3. Đối với hàng hóa gia công là giá tính thuế của hàng hóa sản xuất cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm giao hàng.
4. Đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.
5. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.
6. Đối với rượu sản xuất trong nước, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh gôn, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do Chính phủ quy định cụ thể.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm mà cơ sở được hưởng.

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh có mua, bán hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Điều 7.** Thuế suất

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau đây:

### **BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
<b>I-</b>	<b>Hàng hóa</b>	
1.	Thuốc lá điều, xì gà	
	a) Thuốc lá điều có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu, xì gà	65
	b) Thuốc lá điều có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước	45
	c) Thuốc lá điều không có đầu lọc	25
2.	Rượu	
	a) Rượu trên 40 °	70
	b) Rượu từ 30 ° đến 40 °	55
	c) Rượu từ 20 ° đến dưới 30°	25
	d) Rượu dưới 20 °, kể cả rượu chế biến từ hoa quả	20
	đ) Rượu thuốc	15
3.	Bia	
	a) Bia chai, bia tươi	75
	b) Bia hộp	65
	c) Bia hơi	50
4.	Ô tô	
	a) Ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống	100
	b) Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	60
	c) Ô tô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	30
5.	Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng	15
6.	Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	20
7.	Bà lá	30
8.	Vàng mã, hàng mã	60
<b>II-</b>	<b>Dịch vụ</b>	
1.	Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê	20
2.	Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot)	25
3.	Kinh doanh vé đặt cược đua ngựa, đua xe	20
4.	Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	20

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt và báo cáo để Quốc hội phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất.

### CHƯƠNG III

#### ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ

##### **Điều 8. Đăng ký thuế**

Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế nơi sản xuất, kinh doanh theo quy định về đăng ký thuế và hướng dẫn của cơ quan thuế.

Thời hạn đăng ký thuế chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là năm ngày trước khi có những thay đổi trên.

#### **Điều 9.** Đăng ký sử dụng nhãn hiệu hàng hóa và hóa đơn, chứng từ

1. Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có sử dụng nhãn hiệu hàng hóa phải đăng ký mẫu nhãn hiệu hàng hóa với cơ quan thuế nơi sản xuất, kinh doanh chậm nhất không quá năm ngày kể từ khi sử dụng nhãn hiệu. Khi thay đổi nhãn hiệu hàng hóa, cơ sở phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là năm ngày kể từ ngày thay đổi nhãn hiệu.

2. Việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ và vận chuyển hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10.** Kê khai thuế

1. Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt hàng tháng và nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế trong thời hạn chậm nhất không quá mười ngày đầu của tháng tiếp theo. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có số thuế tiêu thụ đặc biệt lớn thì kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt định kỳ năm ngày hoặc mười ngày một lần theo quy định của cơ quan thuế.

Trường hợp trong tháng không phát sinh thuế tiêu thụ đặc biệt thì cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế.

2. Cơ sở nhập khẩu hàng hóa phải kê khai và nộp tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan thuế nhập khẩu.

3. Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên liệu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thì khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu sản xuất được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nếu có chứng từ hợp pháp.

4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có thuế suất khác nhau thì phải kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không xác định được theo từng mức thuế suất, thì phải tính theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai thuế và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai thuế và hướng dẫn việc kê khai.

#### **Điều 11.** Nộp thuế

Thuế tiêu thụ đặc biệt được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

1. Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt vào ngân sách nhà nước tại nơi sản xuất, kinh doanh theo thông báo nộp thuế của cơ quan thuế.

Thời hạn nộp thuế của tháng được ghi trong thông báo thuế chậm nhất không quá ngày hai mươi của tháng tiếp theo;

2. Cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng lần nhập khẩu.

Thời hạn thông báo và thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo thời hạn thông báo và nộp thuế nhập khẩu;

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp vào ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam.

### **Điều 12. Quyết toán thuế**

Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải thực hiện quyết toán thuế tiêu thụ đặc biệt hàng năm với cơ quan thuế. Năm quyết toán thuế tính theo năm dương lịch. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày kết thúc năm, cơ sở phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và phải nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán; nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề kinh doanh, cơ sở phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế và gửi báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế trong thời hạn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày có quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản và phải nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán; nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo hoặc được hoàn thuế theo quy định tại Điều 13 của Luật này.

### **Điều 13. Hoàn thuế**

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong các trường hợp sau đây:

1. Hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu;
2. Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu;
3. Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản có số thuế nộp thừa;
4. Quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính quy định cụ thể thủ tục và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế theo quy định tại Điều này.

### **Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan thuế**

Cơ quan thuế có những nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Hướng dẫn đối tượng nộp thuế thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của Luật này;
2. Thông báo cho đối tượng nộp thuế về số thuế phải nộp và thời hạn nộp thuế theo đúng quy định; nếu quá thời hạn nộp thuế ghi trong thông báo mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thì tiếp tục ra thông báo về số thuế phải nộp và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại

các khoản 2 và 3 Điều 17 của Luật này; nếu đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt theo thông báo thì có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt; nếu đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế nói trên mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt thì chuyển hồ sơ sang cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

3. Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế của đối tượng nộp thuế để bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật;

4. Xử lý vi phạm hành chính về thuế và giải quyết khiếu nại về thuế;

5. Yêu cầu đối tượng nộp thuế cung cấp sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và hồ sơ tài liệu khác có liên quan tới việc tính thuế và nộp thuế;

6. Lưu giữ và sử dụng số liệu, tài liệu mà đối tượng nộp thuế và đối tượng khác cung cấp theo chế độ quy định.

### **Điều 15. Quyền ấn định thuế**

1. Cơ quan thuế ấn định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp đối với đối tượng nộp thuế trong các trường hợp sau đây:

- a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ;
- b) Không kê khai hoặc nộp tờ khai quá thời hạn quy định đã được thông báo; đã nộp tờ khai nhưng kê khai không đúng các căn cứ để xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt;
- c) Từ chối việc xuất trình sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc tính thuế tiêu thụ đặc biệt;
- d) Kinh doanh không có đăng ký kinh doanh mà bị phát hiện.

2. Cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu điều tra về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của đối tượng nộp thuế hoặc căn cứ vào số thuế phải nộp của cơ sở sản xuất, kinh doanh cùng ngành nghề có quy mô kinh doanh tương đương để ấn định số thuế phải nộp.

## **CHƯƠNG IV GIẢM THUẾ, MIỄN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

### **Điều 16. Những trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt**

1. Cơ sở sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

2. Cơ sở sản xuất bia quy mô nhỏ đang hoạt động nếu nộp đủ thuế theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này mà bị lỗ, thì được xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số lỗ trong năm xét giảm thuế và thời hạn xét giảm thuế không quá năm năm, kể từ khi Luật này có hiệu lực.

3. Đối với cơ sở lắp ráp, sản xuất ô tô trong nước được giảm từ 60% đến 100% mức thuế suất theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này trong thời hạn năm năm đầu, kể từ khi Luật này có hiệu lực; nếu còn tiếp tục bị lỗ thì có thể kéo dài thêm thời gian giảm thuế từ một đến năm năm.

4. Cơ sở kinh doanh gôn được giảm 30% mức thuế suất theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này trong thời hạn ba năm, kể từ khi Luật này có hiệu lực.

Chính phủ quy định cụ thể việc giảm thuế, miễn thuế tại Điều này.

## **CHƯƠNG V**

### **XỬ LÝ VI PHẠM, KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 17. Xử lý vi phạm đối với đối tượng nộp thuế**

Đối tượng nộp thuế vi phạm Luật thuế tiêu thụ đặc biệt thì bị xử lý như sau:

1. Không thực hiện đúng những quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, chế độ kế toán và lưu giữ hóa đơn, chứng từ theo quy định tại các điều 8, 9, 10, 11 và 12 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

2. Nộp chậm tiền thuế, tiền phạt so với ngày quy định phải nộp hoặc quyết định xử phạt về thuế thì ngoài việc nộp đủ số thuế, số tiền phạt, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0,1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp;

3. Khai man thuế, trốn thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị phạt tiền từ một đến năm lần số tiền thuế gian lận; trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế mà còn vi phạm hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

4. Không nộp thuế, nộp phạt theo thông báo hoặc quyết định xử phạt về thuế thì bị cưỡng chế bằng các biện pháp sau:

a) Trích tiền gửi của đối tượng nộp thuế tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc để nộp thuế, nộp phạt.

Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng nộp thuế để nộp thuế, nộp phạt vào ngân sách nhà nước theo quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thu nợ;

b) Giữ hàng hóa, tang vật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt;

c) Kê biên tài sản theo quy định của pháp luật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt còn thiếu.

#### **Điều 18. Thẩm quyền của cơ quan thuế trong việc xử lý vi phạm về thuế**

1. Thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế được quyền xử lý đối với các vi phạm của đối tượng nộp thuế quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này.

2. Cục trưởng, Chi cục trưởng cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế được áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này và chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật hình sự đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật này.

#### **Điều 19. Xử lý vi phạm đối với cán bộ thuế và cá nhân khác**

1. Cán bộ thuế, cá nhân khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng trái phép, chiếm đoạt tiền thuế, tiền phạt thì phải hoàn trả đầy đủ cho Nhà nước toàn bộ số tiền thuế, tiền phạt đã sử dụng trái phép, chiếm đoạt và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ thuế, cá nhân khác thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc xử lý sai gây thiệt hại cho người nộp thuế thì việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Cán bộ thuế, cá nhân khác gây ra thiệt hại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.



3. Cán bộ thuế, cá nhân khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thông đồng, bao che cho người vi phạm Luật thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Người cản trở hoặc xúi giục người khác cản trở việc thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 20. Khen thưởng**

Cơ quan thuế, cán bộ thuế hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; đối tượng nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế thì được khen thưởng.

Chính phủ quy định cụ thể việc khen thưởng.

### **CHƯƠNG VI KHIẾU NẠI, KHỞI KIỆN VÀ THỜI HIỆU**

#### **Điều 21. Quyền và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế trong việc khiếu nại về thuế**

1. Đối tượng nộp thuế có quyền khiếu nại việc cán bộ thuế, cơ quan thuế thi hành không đúng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đơn khiếu nại được gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo hoặc quyết định xử lý của cán bộ thuế, cơ quan thuế.

Trong khi chờ giải quyết, đối tượng nộp thuế vẫn phải thực hiện theo đúng thông báo hoặc quyết định xử lý của cán bộ thuế, cơ quan thuế.

2. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định của cơ quan giải quyết khiếu nại hoặc quá thời hạn quy định tại Điều 22 của Luật này mà chưa được giải quyết thì có quyền khiếu nại lên cơ quan thuế cấp trên trực tiếp hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế**

1. Cơ quan thuế nhận được khiếu nại về thuế phải giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với những vụ việc phức tạp thì thời hạn đó có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày; nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển hồ sơ hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

2. Cơ quan thuế nhận khiếu nại có quyền yêu cầu người khiếu nại cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; nếu người khiếu nại từ chối cung cấp hồ sơ, tài liệu thì có quyền từ chối xem xét giải quyết khiếu nại.

3. Cơ quan thuế phải hoàn trả số tiền thuế, số tiền phạt thu không đúng cho đối tượng nộp thuế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan thuế cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



4. Nếu phát hiện và kết luận có sự khai man, trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu tiền thuế, tiền phạt hoặc hoàn trả tiền thuế trong thời hạn năm năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện có sự khai man, trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế. Trường hợp đối tượng nộp thuế không đăng ký kê khai nộp thuế thì thời hạn truy thu tiền thuế, tiền phạt kể từ khi đối tượng nộp thuế bắt đầu hoạt động.

5. Thủ trưởng cơ quan thuế cấp trên có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại về thuế của đối tượng nộp thuế đối với cơ quan thuế cấp dưới.

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính giải quyết khiếu nại về thuế là quyết định cuối cùng.

## **CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23**

Chính phủ chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt trong cả nước.

### **Điều 24**

Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt trong cả nước.

### **Điều 25**

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo việc thực hiện và kiểm tra việc chấp hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở địa phương mình.

## **CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 26.**

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

Luật này thay thế Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 30 tháng 6 năm 1990, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 05 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 28 tháng 10 năm 1995.

Bãi bỏ các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt trong các văn bản quy phạm pháp luật khác kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Việc giải quyết những tồn tại về thuế, quyết toán thuế, miễn giảm thuế và xử lý các vi phạm về thuế tiêu thụ đặc biệt trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 được thực hiện theo các quy định tương ứng của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

### **Điều 27.**

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Luật này thì thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

### **Điều 28.**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 5 năm 1998.*

**LUẬT**  
**CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM SỐ 08/2003/QH11 NGÀY 17/6/2003 VỀ LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ**  
**SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 20 tháng 5 năm 1998.*

**Điều 1**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt:**

1- Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*"Điều 1. Đối tượng chịu thuế*

Hàng hóa, dịch vụ sau đây là đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

1. Hàng hóa:

a) Thuốc lá điếu, xì gà;

b) Rượu;

c) Bia;

d) Ô tô dưới 24 chỗ ngồi;

đ) Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng;

e) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;

g) Bài lá;

h) Vàng mã, hàng mã;

2. Dịch vụ:

a) Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê;

b) Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot);

c) Kinh doanh giải trí có đặt cược;

d) Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;

đ) Kinh doanh xổ số."

2- Khoản 6 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*"6. Đối với rượu, bia sản xuất trong nước, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pót, kinh doanh gôn, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do Chính phủ quy định cụ thể.*

*Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.*

*Trường hợp đối tượng nộp thuế có doanh số mua, bán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế."*

3- Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Điều 7. Thuế suất**

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau đây:

***Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt***

<b>TT</b>	<b>Hàng hoá, dịch vụ</b>	<b>Thu ế suất (%)</b>
-	<b>Hàng hoá</b>	
.	Thuốc lá điếu, xì gà	
	a) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu, xì gà	65
	b) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu sản xuất trong nước	45
	c) Thuốc lá điếu không đầu lọc	25
.	Rượu	
	a) Rượu từ 40 độ trở lên	75
	b) Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	30
	c) Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả	20
	d) Rượu thuốc	15
.	Bia	
	a) Bia chai, bia hộp, bia tươi	75
	b) Bia hơi	30
.	Ô tô	
	a) Ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống	80
	b) Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	50
	c) Ô tô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	25
.	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác dùng để pha chế xăng	10
.	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	15
.	Bà lá	40
.	Vàng mã, hàng mã	70
<b>I-</b>	<b>Dịch vụ</b>	
.	Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
.	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pót	25

.		
.	Kinh doanh giải trí có đặt cược	25
.	Kinh doanh gôn: bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	10
.	Kinh doanh xổ số	15

4- Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Cơ sở sản xuất hàng hoá, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt vào ngân sách nhà nước tại nơi sản xuất, kinh doanh.

Thời hạn nộp thuế hàng tháng chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo;"

5- Bổ sung khoản 4 vào Điều 11 như sau:

"4. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục kê khai, nộp thuế phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh trước pháp luật, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan thuế, bảo đảm quản lý thu thuế chặt chẽ, có hiệu quả."

6- Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Thông báo số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế do Chính phủ quy định, đơn đốc đối tượng nộp thuế nộp đúng thời hạn; nếu quá thời hạn nộp thuế mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thì thông báo về số thuế phải nộp và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật này; nếu đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt theo thông báo thì có quyền áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt; nếu đã thực hiện các biện pháp xử lý nói trên mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt thì chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật."

7- Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 15 như sau:

"đ) Kê khai giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn 10% giá bán trên thị trường của hàng hoá, dịch vụ đó."

8- Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 16. Những trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Cơ sở sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, dịch hoạ, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

2. Cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô được giảm mức thuế suất theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này như sau:

- Năm 2004 giảm 70%.
- Năm 2005 giảm 50%.
- Năm 2006 giảm 30%.
- Từ năm 2007 nộp đúng thuế suất quy định.

Chính phủ quy định cụ thể việc giảm thuế, miễn thuế quy định tại Điều này."

## **Điều 2**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

## **Điều 3**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003.

## LUẬT

# **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỐ 57/2005/QH11 NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2005**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 20 tháng 5 năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 17 tháng 06 năm 2003 và Luật thuế giá trị gia tăng ngày 10 tháng 5 năm 1997 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 17 tháng 06 năm 2003.*

### **Điều 1**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Khoản 6, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 6. Giá tính thuế

...

6. Đối với rượu, bia, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh gôn, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do Chính phủ quy định cụ thể.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Trường hợp đối tượng nộp thuế có doanh số mua, bán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế."

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

" Điều 7. Thuế suất

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau đây:

## **BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
I -	Hàng hoá	
1.	Thuốc lá điếu, xì gà	
	a) Xì gà	65
	b) Thuốc lá điếu	
	- Năm 2006-2007	55
	- Từ năm 2008	65
2.	Rượu	
	a) Rượu từ 40 độ trở lên	65
	b) Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	30
	c) Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	20
3.	Bia	
	a) Bia chai, bia hếp	75
	b) Bia hơi, bia tươi	
	- Năm 2006-2007	30
	- Từ năm 2008	40
4.	Ô tô	
	a) Ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống	50
	b) Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	30
	c) Ô tô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	15
5.	Xăng các loại, nap-ta (naptha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác dùng để pha chế xăng	10
6.	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	15
7.	Bà lá	40
8.	Vàng mã, hàng mã	70
II -	Dịch vụ	
1.	Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
2.	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pót	25
3.	Kinh doanh giải trí có đặt cược	25
4.	Kinh doanh gôn: bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	10
5.	Kinh doanh xổ số	15

3. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 16. Những trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt

Cơ sở sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, dịch hoạ, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

Chính phủ quy định cụ thể việc giảm thuế, miễn thuế quy định tại Điều này.”

## **Điều 2**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng



1. Khoản 1, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

" Điều 4. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng

Hàng hoá, dịch vụ dưới đây không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng:

1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

..."

2. Điểm k khoản 2 Điều 8 đã được sửa thành điểm l khoản 2 Điều 8 theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 17 tháng 6 năm 2003 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 8. Thuế suất

...

2. Mức thuế suất 5 % đối với hàng hoá, dịch vụ:

...

l) Bông sơ chế;

...”

### **Điều 3**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

### **Điều 4**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Văn An